

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDTNT THPT huyện Kon Plông

Mã đơn vị: 1012069

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2021

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		199	5.340.596	3.384.202	1.956.394	2.231.889							
1	Âm ly di động INNOSM-A738	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	10.000		10.000	2.000		x					
2	Amly Power Mixer Peavey (USA)	Văn phòng Đoàn	1	20.000	20.000									
3	Bàn ghế tiếp khách (Gỗ nhóm I)	Phòng hiệu trưởng	1	19.500	19.500									
4	Bàn làm việc 1m4 (Gỗ nhóm I)	Trường PT DTNT KonPlông	3	19.500	19.500									
5	Bàn làm việc 1m6 (Gỗ nhóm I)	Phòng Phó hiệu trưởng 1	1	8.000	8.000									
6	Bản quyền phần mềm chấm thi trắc nghiệm MR.TEST 3.4	Phòng giáo vụ	1	20.000	20.000									
7	Bản quyền phần mềm Giáo án điện tử	Trường PT DTNT KonPlông	1	6.000	6.000									
8	Bản quyền phần mềm kế toán MISA	Phòng kế toán	1	9.850	9.850									
9	Bản quyền phần mềm QLTS	Phòng kế toán	1	8.900	8.900		5.340							
10	Bản quyền phần mềm Windowm Vista	Trường PT DTNT KonPlông	1	2.600	2.600									
11	Bộ âm thanh học đường MA 708	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	49.000	49.000									
12	Cột bóng rổ L12	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.500		14.500	12.688		x					
13	Đàn Organ CASIO	Phòng bộ môn âm nhạc	1	14.800	14.800									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	Đầu thu DTH	Trường PT DTNT KonPlông	3	8.880	8.880									
15	Đường dây 0,4KV cấp điện tổng	Trường PT DTNT KonPlông	1	105.879	105.879									
16	Giếng khoan	Trường PT DTNT KonPlông	1	213.064	213.064									
17	Hệ thống bếp lò hơi cơ khí D350	Nhà bếp học sinh	1	205.500	205.500		61.650							
18	Hệ thống Camera quan sát KBVISION	Phòng hội đồng	1	27.000	27.000		20.250		x					
19	Hệ thống loa, âm ly	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	55.900	55.900		11.180							x
20	Hệ thống máy lọc nước 7 vòi	Bếp ăn tập thể	1	115.893	115.893		92.714							
21	Hệ thống thoát nước, điện ngoài nhà	Trường PT DTNT KonPlông	1	66.558		66.558	59.902		x					
22	Kết sắt đổi mã HP	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	13.800	13.800									
23	Loa liền công suất EvoMaxX 6a	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	51.940	51.940									
24	Loa Peavey 4T (USA)	Văn phòng Đoàn	1	13.000	13.000									
25	Màn hình chiếu nhiều nấc đứng Tripod	Phòng bộ môn ngoại ngữ	1	2.850	2.850									
26	Màn hình LED tương tác 65 inc INNOITV-650	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	82.670		82.670	16.534		x					
27	Máy ảnh Canon LS750D	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	16.150	16.150		6.460		x					
28	Máy ảnh kỹ thuật số CANON 8.0	Văn phòng Đoàn	1	9.700	9.700									
29	Máy camera sony - SR	Thiết bị khác	1	19.500	19.500									
30	Máy chấm trắc nghiệm	Phòng giáo vụ	1	46.070	46.070									
31	Máy chấm trắc nghiệm CANON DR 5010C	Thiết bị khác	1	75.000	75.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
32	Máy chiếu đa năng Projector Panasonic PTLX30HEA (máy chiếu, màn chiếu, giá treo, dây VGA)	Phòng bộ môn khoa học xã hội	1	29.020	29.020									
33	Máy chiếu đa năng Projector Panasonic.	Phòng bộ môn công nghệ	1	27.300	27.300									
34	Máy chiếu đa vật thể VERTEX D-4105S	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	21.950	21.950		4.390		x					
35	Máy chiếu Overhead, bộ Atlas tâm bảng trong	Phòng bộ môn hoá học	1	9.475	9.475									
36	Máy chiếu PANASONIC PT-LB51EA + Màn	Phòng bộ môn sinh học	1	20.900	20.900									
37	Máy chiếu Projector SanYo PLC XW55A	Phòng bộ môn vật lý	1	29.400	29.400									
38	Máy HP 8270 Scanjet (Dự án SREM cấp)	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	16.750	16.750									
39	Máy in Laser Shot Canon	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	5.000	5.000									
40	Máy in Canon 2900	Phòng giáo vụ	1	3.300	3.300									
41	Máy in Laser khổ A3	Phòng giáo vụ	1	10.000		10.000	8.000		x					
42	Máy lọc nước RO	Trường PT DTNT KonPlông	1	18.050	18.050									
43	Máy lọc nước RO 100L	Khu Kí túc xá	1	99.500	99.500		19.900							
44	Máy ôn áp tự động SH 10000 II	Phòng Tin học	1	10.500		10.500	8.400		x					
45	Máy photo Konika	Phòng giáo vụ	1	60.500	60.500		22.688		x					
46	Máy photo SHARP FS2030	Thiết bị khác	1	31.685	31.685									
47	Máy photo TOSIBA - 2860	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	45.000	45.000									
48	Máy photocopy Konika Minolta Bizhub 368	Phòng giáo vụ	1	82.500	82.500		72.188							
49	Máy Photocopy Toshiba Studio E452	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	38.500	38.500									
50	Máy tính bàn Gigabyte	Phòng Tin học	3	35.670	35.670									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
51	Máy tính để bàn chipset H61	Phòng Tin học	3	34.500	34.500					x				
52	Máy tính DeLL coi5 cho giáo viên phòng tin	Phòng Tin học	1	15.000		15.000	12.000		x					
53	Máy tính HP15	Phòng bộ môn Mỹ Thuật	1	25.290	25.290									
54	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
55	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
56	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
57	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
58	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
59	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
60	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
61	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
62	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
63	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
64	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
65	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
66	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
67	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
68	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
69	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
70	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
71	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
72	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
73	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
74	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
75	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
76	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
77	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
78	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
79	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
80	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
81	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
82	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
83	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
84	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
85	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
86	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
87	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
88	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	11.984		x					
89	Máy tính xách tay ASUS Intel Core i5	Phòng kế toán	1	16.200	16.200									
90	Máy tính xách tay Compaq V3000	Phòng Phó hiệu trưởng 1	1	18.000	18.000									
91	Máy tính xách tay DELL Intel Core I5	Phòng giáo vụ	1	18.750	18.750									
92	Máy tính xách tay DELL.Vostro 1320	Phòng Phó hiệu trưởng 2	1	78.900	78.900									
93	Máy tính xách tay HP 15	Phòng tư vấn học đường	1	26.000	26.000		5.200							x
94	Máy tính xách tay HP DV6000	Văn phòng Đoàn	1	22.540	22.540									
95	Máy tính xách tay TOSIBA	Phòng thư ký hội đồng	1	26.440	26.440									
96	Máy tính xách tay Y4G01PA	Phòng giáo vụ	1	25.000		25.000	5.000		x					
97	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	10	85.000	85.000					x				
98	Máy vi tính HP AII ONE 1018L	Phòng thiết bị giáo dục	1	17.600	17.600									
99	Máy vi tính Intel G2030	Phòng Tin học	2	16.000	16.000									
100	Máy vi tính phục vụ dạy học	Phòng Tin học	25	305.927	305.927									
101	Máy vi tính VN FPT M535	Phòng Tin học	2	21.800	21.800									
102	Máy vi tính VTB 2.6Ghz	Phòng Tin học	3	39.600	39.600									
103	Máy vi tính xách tay HP Compaq C301 TU	Phòng truyền thống	1	18.980	18.980									
104	Ôn áp Lioa, hệ thống điện, chi phí TĐ	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	7.400	7.400									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
105	Ôn áp tự động 20KVA LIOA phòng máy	Phòng Tin học	1	8.200	8.200									
106	Phần mềm Quản lý tiền lương MISA SalaGov	Phòng kế toán	1	19.900	19.900		15.920		x					
107	Phần mềm tạo đề và chấm trắc nghiệm MrTEST 6.0	Phòng giáo vụ	1	27.320	27.320		23.501		x					
108	Sân bóng chuyên	Trường PT DTNT KonPlông	1	284.069	284.069		156.238							
109	Sân đường bộ	Trường PT DTNT KonPlông	1	815.366		815.366	774.598		x					
110	Thiết bị âm thanh (Âm ly, loa thùng, loa phóng thanh, đầu DVC, Micro không dây)	Phòng chức năng	1	28.360	28.360									
111	Ti vi 29"	Trường PT DTNT KonPlông	1	5.500	5.500									
112	Ti vi LCD Plasma Samsung 51inch	Trường PT DTNT KonPlông	1	23.040	23.040									
113	Ti vi LCD Toshiba 40inch	Trường PT DTNT KonPlông	2	34.060	34.060									
114	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
115	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
116	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
117	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
118	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
119	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
120	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
121	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
122	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	34.000							
123	Ti vi SONY 21 in	Trường PT DTNT KonPlông	1	5.700	5.700									
124	Ti vi SONY 21 in	Trường PT DTNT KonPlông	1	5.700	5.700									
125	Tivi thông minh LG 55 inc	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	2	68.550	68.550		13.710		x					
126	Trang bị thiết bị phòng họp trực tuyến, Tivi, micro, Bộ điều khiển, Camera..	Trường PT DTNT KonPlông	1	95.000	95.000		76.000		x					
127	Tủ bếp gar hấp cơm	Nhà bếp học sinh	1	17.500	17.500									
128	Tủ bếp gar, hấp cơm	Nhà bếp học sinh	1	19.500	19.500									
129	Tủ đựng dụng cụ nhà ăn tập thể HSNT	Trường PT DTNT KonPlông	1	11.500	11.500									
130	Tủ đựng hồ sơ (gỗ)	Phòng hiệu trưởng	1	17.000	17.000									
131	Tủ hồ sơ HP 2 cánh (tủ sắt)	Trường PT DTNT KonPlông	2	11.600	11.600									
132	Tủ HS gỗ tự nhiên nhóm IV	Khu Kí túc xá	20	190.000	190.000									

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Duyên

Đình Su Giang